

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TẶNG ALV
BẢO CẢO TẠI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

DỰ THẢO

BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà tặng ALV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Trần Kim Luật	Chủ tịch	26/12/2018	
Ông Phạm Văn Hải	Chủ tịch	14/9/2017	26/12/2018
Ông Trương Thế Sơn	Thành viên		
Ông Bùi Vĩnh Phúc	Thành viên		
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Trưởng ban		
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên		
Ông Bùi Quang Đức	Thành viên	04/5/2017	
Bà Hồ Thị Hồng Vân	Thành viên		04/5/2017
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc		
Ông Ngô Xuân Doanh	Phó Tổng Giám đốc		

BÀI DIỄN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Phạm Văn Hải, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoạn và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giải trình Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TẶNG ALV

Thôn Hương Thịnh, Xã Hương Phong, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

PHẠM VĂN HẢI – Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tải ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.001.355.893	53.795.681.874
Tiền	111		105.616.273	3.232.760.792
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.080.332.650	47.666.073.270
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	-	28.660.810.928
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	28.863.130.650	14.081.655.240
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	8.202.280.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	554.922.000	5.563.607.102
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(540.000.000)	(640.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	2.101.416.302	2.896.847.812
Hàng tồn kho	141		2.101.416.302	2.896.847.812
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		713.990.668	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		713.990.668	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	45.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		9.194.197.582	10.202.175.946
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.694.197.582	5.702.175.946
Nguyên giá	222		8.030.171.549	8.030.171.549
Gia trị hao mòn lũy kế	223		(3.335.973.967)	(2.327.995.603)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.500.000.000	4.500.000.000
Nguyên giá	228		4.500.000.000	4.500.000.000
Gia trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	-	11.413.043.478
Đầu tư vào công ty con	251		-	11.413.043.478
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.7b	4.237.988.371	3.595.557.168
Chi phí trả trước dài hạn	261		4.237.988.371	3.595.557.168
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		98.433.541.846	79.006.458.466

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
Thôn Hương Thịnh, Xã Hương Phong, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU Mã số **Thuyết minh**
31/12/2018 31/12/2017

C. NỢ PHẢI TRẢ		300	35.318.131.565	41.298.873.577
I. Nợ ngắn hạn		310	35.318.131.565	41.298.873.577
1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	311	13.399.360.172	26.088.996.539
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	312	2.262.373.118	7.978.982.428
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	313	5.141.318.412	5.412.410.504
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	315	3.194.473.201	1.519.905.444
5. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	319	193.243.546	138.715.546
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	320	11.061.000.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	322	66.363.116	159.863.116
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	63.115.410.281	37.707.584.889
I. Vốn chủ sở hữu		410	63.115.410.281	37.707.584.889
1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.18	411	56.579.360.000	31.579.360.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	56.579.360.000	31.579.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	(17.000.000)	(17.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển		418	415.707.715	415.707.715
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	6.137.342.566	5.729.517.174
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a	5.729.517.174	921.327.175
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		421b	407.825.392	4.808.189.999
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	98.433.541.846	79.006.458.466

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2019

PHẠM VĂN HẢI
Tổng Giám đốc



TRƯỜNG KHANH TOÀN
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

NGUYỄN THỊ NGÀ
Người lập biểu

[Handwritten signature]

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÀU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU
Mã số
Thuyết minh

Năm 2018	Năm 2017		
7.679.525.550	77.305.077.935	01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
-	8.971.880.428	02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu
7.679.525.550	68.333.197.507	10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
8.562.936.010	59.210.408.917	11	4. Giá vốn hàng bán
(883.410.460)	9.122.788.590	20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
6.812.224.128	981.074.044	21	6. Doanh thu hoạt động tài chính
1.587.266.737	-	22	7. Chi phí tài chính
1.587.266.737	-	23	Trong đó: Chi phí lãi vay
72.345.000	989.250.272	25	8. Chi phí bán hàng
3.507.726.594	905.655.219	26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp
761.475.337	8.208.957.143	30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh
65.363.636	280	31	11. Thu nhập khác
419.013.581	552.801.451	32	12. Chi phí khác
(353.649.945)	(552.801.171)	40	13. Lợi nhuận khác
407.825.392	7.656.155.972	50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
-	1.343.997.973	51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
-	-	52	16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
407.825.392	6.312.157.999	60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
72	1.918	70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu
72	1.918	71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ATL
Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2019



PHẠM VĂN HẢI
Tông Giám đốc

TRƯỜNG KHANH TOÀN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGÀ
Người lập biểu

(Signature)

(Signature)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢO CAO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018		Năm 2017	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		407.825.392		7.656.155.972	
1. Lợi nhuận trước thuế						
2. Điều chỉnh cho các khoản						
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.007.978.364		581.148.754	
- Các khoản dự phòng	03		(100.000.000)		(1.017.137.111)	
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.812.224.128)		(981.074.044)	
- Chi phí lãi vay	06		1.587.266.737		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.909.153.635)		6.239.093.571	
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	09		(26.550.570.384)		(13.522.804.509)	
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu			795.431.510		(209.968.568)	
- (Giảm)/ Tăng các khoản phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11		(16.948.242.012)		14.629.637.086	
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		(642.431.203)		(335.126.751)	
- (Tăng)/ Giảm lãi vay đã trả	14		(1.587.266.737)		-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(275.399.664)		(718.069.332)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(93.500.000)		(239.750.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(49.211.132.125)		5.843.011.497	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-		(10.468.181.818)	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.802.280.000)		-	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.600.000.000		15.000.000.000	
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(39.500.000.000)		(4.500.000.000)	
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		50.913.043.478		-	
6. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.812.224.128		981.074.044	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.022.987.606		1.012.892.226	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		25.000.000.000		-	
2. Tiền thu từ đi vay	33		26.261.000.000		-	
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.200.000.000)		-	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		(4.511.904.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36.061.000.000		(4.511.904.000)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.127.144.519)		2.343.999.723	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.232.760.792		888.761.069	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		105.616.273		3.232.760.792	

TRƯƠNG KHÁNH TOÀN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGÀ
Người lập biên

PHẠM VĂN HẢI
Tổng Giám đốc



Ngày 31 tháng 3 năm 2019